TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HS-ST
Ngày 06-5-2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Quốc Đạt.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Hường - Cán bộ hưu trí

Bà Lê Thị Mỹ Liên - Phó trưởng phòng Giáo dục và đào tạo huyện N

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Thanh Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: **Bà Phạm Thị Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2020/HSST ngày 12 tháng 02 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-HS ngày 09-3-2020 đối với bị cáo:

- Bị cáo:

1. **TRẦN NGỌC T**, sinh năm 1987, tại Bình Thuận; Nghề nghiệp: Làm thuê. Nơi cư trú: Khu phố 8, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần H, sinh năm 1953 (đã chết) và bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1960; Có vợ tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1990 và có 03 người con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01-12-2019, chuyển sang tạm giam từ ngày 04-12-2019 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **LÊ VĂN T**, sinh năm 1992, tại Bình Thuận; Nghề nghiệp: Làm thuê. Nơi cư trú: K 9, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn M, sinh năm 1955 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957; Có vợ tên Hồ Thị D, sinh năm 1985 và có 02 người con.

Tiền án: Ngày 20-8-2013 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận xử phạt 18 tháng tù giam về tội "Cố ý gây thương tích" chấp hành xong hình phạt tù

về lại địa phương vào ngày 30-8-2014, nhưng hiện nay Tám chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung phần bồi thường dân sự trong vụ án, nên chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không;

Nhân thân:

+ Năm 2007 - 2009 bị đưa vào Trường Giáo dưỡng số 4 tại Long Thành, Đồng Nai về hành vi Trộm cắp tài sản.

+ Năm 2009 - 2011 bị đưa vào Trường Giáo dưỡng số 4 tại Long Thành, Đồng Nai về các hành vi gồm: Trộm cắp tài sản, đánh nhau, gây rối trật tự công cộng, chống người thi hành công vụ.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01-12-2019, chuyển sang tạm giam từ ngày 04-12-2019 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ninh Phước.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Cháu Nguyễn Bảo Đ, sinh ngày 03-9-2008. Nơi cư trú: K 6, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người đại diện theo pháp luật của bị hại Nguyễn Bảo Đ: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975 và bà Đặng Thị B, sinh năm 1986 – là cha mẹ ruột. Nơi cư trú: K 6, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi hợp pháp cho bị hại Nguyễn Bảo Đ: Bà Đinh Thị N - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Thuận. Có mặt.

- Đại diện nhà trường nơi cháu Nguyễn Bảo Đ học tập: Trường Trung học cơ sở H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận: Bà Lý Thị Mai T - Sinh năm 1972 - Giáo viên chủ nhiệm của cháu Nguyễn Bảo Đ. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1990. Có mặt.

+ Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1960. Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: K 8, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận

- Người làm chứng:

+ Bà Lã Thị H, sinh năm 1985. Vắng mặt.

+ Bà Đặng Thị U, sinh năm 1997. Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận

+ Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Nơi cư trú: K 6, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Ngọc T, sinh năm: 1987 và ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975, cùng trú tại thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận có mâu thuẫn với nhau trong việc mua bán đất từ trước, nên khoảng 16 giờ 25 phút, ngày 01-12-2019,

bị cáo Trần Ngọc T gọi điện thoại nhờ một người tên N dẫn đường ra tìm chỗ ở của ông Nguyễn Văn H để đòi nợ.

Bị cáo Trần Ngọc T điều khiển xe mô tô 86B1- 387 hiệu Yamaha loại Janus chở bị cáo Lê Văn T, sinh năm: 1992, trú tại k 9, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận đến nhà ông Đặng Văn V, sinh năm: 1985, trú tại thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận để tìm ông Nguyễn Văn H lấy nợ cùng T, thì bị cáo Lê Văn T đồng ý. Khi tới nhà ông Đặng Văn V, các bị cáo tìm ông Nguyễn Văn H để nói chuyện, nhưng không gặp được ông Nguyễn Văn H. Do không tìm được ông Nguyễn Văn H, nên bị cáo Trần Ngọc T và Lê Văn T đã bắt và chở con trai của vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Đặng Thị B là bị hại Nguyễn Bảo Đ, sinh ngày 03-9-2008 đang chơi tại nhà ông Đặng Văn V. Khi bị cáo Trần Ngọc T cầm tay bị hại Nguyễn Bảo Đ kéo đi, bị hại Nguyễn Bảo Đ đã giằng co, vùng vẫy, dãy dụa, khóc và nói "*Cháu không đi, thả cháu ra*", lúc này bên trong nhà ông Đặng Văn V có bà Lã Thị H, bà Đặng Thị U và ông Nguyễn Văn P đã nói với bị cáo Trần Ngọc T "*Chuyện người lớn để tự người lớn giải quyết, không được bắt trẻ nhỏ*", nhưng bị cáo Trần Ngọc T vẫn cầm tay kéo bị hại Nguyễn Bảo Đ ra xe bị cáo Lê Văn T đang chờ.

Bị cáo Trần Ngọc T bế bị hại Nguyễn Bảo Đ lên xe cho bị cáo Lê Văn T chở. Thấy bị cáo Trần Ngọc T và bị cáo Lê Văn T chở Đ đi, thì bà Lã Thị H chạy ra can ngăn, giằng co cố giữ Nguyễn Bảo Đ lại, thì bị cáo T dùng tay xô đẩy hất tay ra bà H ra, tay bị cáo Trần Ngọc T trúng vào mặt bà Lã Thị H 01 cái. Bị cáo Nguyễn Ngọc T bế bị hại Nguyễn Bảo Đ ngồi ngang, rồi ngồi sau ôm bị hại Nguyễn Bảo Đ lại, rồi nói bị cáo Lê Văn T điều khiển xe mô tô bỏ chạy, bị cáo Lê Văn T hiểu được ý chí của bị cáo Trần Ngọc T nên đã tiếp tục chở Trần Ngọc T và bị hại Nguyễn Bảo Đ ra khỏi nhà ông Đặng Văn V, rồi tiếp tục chở bị hại Nguyễn Bảo Đ về nhà trọ ông Nguyễn Văn H ở k1, thị trấn P, huyện N để tìm ông Nguyễn Văn H nhưng nhà đóng cửa. Các bị cáo Trần Ngọc T và Lê Văn T đã nghĩ ông Nguyễn Văn H trốn tránh trách nhiệm không trả nợ cho mình, nên tiếp tục chở bị hại Nguyễn Bảo Đ về thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Trên đường đi về huyện T, tỉnh Bình Thuận thì bị cáo Lê Văn T dừng xe lại vào quán nước bên đường cho bị hại Nguyễn Bảo Đ và Trần Ngọc T xuống uống nước. Sau khi uống nước xong, bị cáo Trần Ngọc T cho bị hại Nguyễn Bảo Đ lên xe mô tô, rồi cho bị hại Nguyễn Bảo Đ ngồi dọc quay người phía trước, tiếp tục điều khiển xe mô tô trên chở Lê Văn T ngồi sau ôm giữ bị hại Nguyễn Bảo Đ đến Công an thị trấn L đầu thú, giao bị hại Nguyễn Bảo Đ cho Công an làm việc và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Công an thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận đã giao Trần Ngọc T và Lê Văn T và Nguyễn Bảo Đ cho Công an huyện N xử lý theo thẩm quyền.

- Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Trần Ngọc T không có tình tiết tăng nặng.

Bị cáo Lê Văn T bị áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo bồi thường khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo đầu

thú; Đại diện bị hại bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Các bị cáo là lao động chính trong gia đình nuôi con nhỏ.

- Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tạm giữ và xử lý như sau:

+ 01 Xe mô tô biển số 86B1- 387, hiệu YAMAHA, loại Janus, màu xanh đen, số khung: C820HY039, số máy: E3Y8E039. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990, trú tại k 8, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận, là vợ bị cáo Trần Ngọc T, chị H không biết T dùng xe mô tô trên vào mục đích phạm tội, nên đề nghị trả lại cho chị H.

+ 01 điện thoại di động cảm ứng màu đen, hiệu Sam sung, có số Imei 1: 356472092176, số Imei 2: 356473032176. Xác định đây là điện thoại của bị cáo Trần Ngọc T dùng vào mục đích phạm tội, đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước.

Hiện điện thoại và xe mô tô trên đang được bảo quản tại Kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

+ 01 ví da màu nâu, bên trong ví có một giấy đăng ký xe mô tô biển số 86B1- 387. Đây là tài sản và giấy tờ xe mô tô của chị Nguyễn Thị H, Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện N đã trả cho chị Nguyễn Thị H.

+ Số tiền 3.175.000 đồng, quá trình điều tra xác định được đây là tiền của bị cáo Trần Ngọc T, T yêu cầu được nhận lại nên Cơ quan điều tra huyện N đã giao trả cho chị Nguyễn Thị H, là vợ của bị cáo Trần Ngọc T nhận lại số tiền trên theo nguyện vọng của T.

- Về dân sự: Quá trình điều tra chị Nguyễn Thị H đã thay mặt các bị cáo Trần Ngọc T và Lê Văn T bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại Nguyễn Bảo Đ số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Bị hại Nguyễn Bảo Đ và đại diện hợp pháp (cha ruột) của bị Nguyễn Bảo Đ là ông Nguyễn Văn H không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét. Chị Nguyễn Thị H không yêu bị cáo Trần Ngọc T và Lê Văn T hoàn trả lại số tiền trên.

Riêng đối với một người tên N chưa rõ nhân thân lai lịch Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa làm việc được, đang tiếp tục xác minh khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Việc bị cáo Trần Ngọc T tố cáo ông Nguyễn Văn H có hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" trong việc mua bán đất đai diễn ra trên địa bàn huyện T, tỉnh Bình Thuận, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với hành vi bị cáo Trần Ngọc T dùng tay hất chị Lã Thị H ra làm trúng vào mặt 01 cái; Chị Lã Thị H không bị thương tích và không yêu cầu bồi thường, nên không xem xét.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận diễn biến sự việc xảy ra như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Bản Cáo trạng số 05/CT-VKS-HS, ngày 10-02-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận truy tố các bị cáo Trần Ngọc T, Lê Văn T về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật", theo điểm e khoản 2 Điều 157 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên việc truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015; áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo Lê Văn T theo quy định tại điểm h (tái phạm) khoản 1 Điều 52; riêng bị cáo Trần Ngọc T không có tình tiết tăng nặng và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Trần Ngọc T, Lê Văn T các điểm b (người phạm tội tự nguyện khác phục hậu quả), s (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) khoản 1, khoản 2 (đầu thú; Đại diện bị hại bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Các bị cáo là lao động chính trong gia đình nuôi con nhỏ) Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Trần Ngọc T từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù; xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 15 (mươi lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù. Áp dụng các biện pháp tư pháp theo quy định của pháp luật.

- **Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại:**

Nhất trí với nội dung của bản cáo trạng cũng như quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Hành vi của các bị cáo Trần Ngọc T, Lê Văn T nguy hiểm cho xã hội trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do thân thể, đi lại của bị hại Nguyễn Bảo Đ và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Đồng thời Điều 30 Luật trẻ em quy định quyền được bảo vệ trong tố tụng và xử lý vi phạm hành chính: Trẻ em có quyền được bảo vệ trong quá trình tố tụng và xử lý vi phạm hành chính; bảo đảm quyền được bào chữa và tự bào chữa, được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; được trợ giúp pháp lý, được trình bày ý kiến, không bị tước quyền tự do trái pháp luật; không bị tra tấn, truy bức, nhục hình, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể, gây áp lực về tâm lý và các hình thức xâm hại khác.

Các bị cáo Trần Ngọc T, Lê Văn T đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung loại tội phạm này trong xã hội.

- Kiểm sát viên không tranh luận.

Các bị cáo không có tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành

tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Ngọc T, Lê Văn T khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng và các chứng cứ khác thu thập tại hồ sơ vụ án trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, nên có đủ cơ sở để xác định các bị cáo đã thực hiện hành vi cụ thể như sau:

Khoảng 16 giờ 25 phút ngày 01-12-2019, bị cáo Trần Ngọc T rủ Lê Văn T đến nhà ông Đặng Văn V ở thôn N, xã P, huyện N bắt bị hại Nguyễn Bảo Đ, là con trai của ông Nguyễn Văn H khi không được sự đồng ý của bị hại Nguyễn Bảo Đ, vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Đặng Thị B và người quản lý hợp pháp của bị hại Nguyễn Bảo Đ, đi từ thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận vào thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận để gây áp lực cho ông Nguyễn Văn H trả nợ. Đây là vụ án "Bắt, giữ người trái pháp luật" do Trần Ngọc T và Lê Văn T thực hiện. Tại thời điểm ngày 01-12-2019 bị hại Nguyễn Bảo Đ mới chỉ 11 tuổi 02 tháng 28 ngày (Bị hại Nguyễn Bảo Đ sinh ngày 03-9-2008).

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận truy tố các bị cáo Trần Ngọc T và Lê Văn T về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi trên của các bị cáo Trần Ngọc T và Lê Văn T là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, tự do cá nhân của công dân là bị hại Nguyễn Bảo Đ.

Các bị cáo Trần Ngọc T và Lê Văn T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Các bị cáo Trần Ngọc T và Lê Văn T đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Các bị cáo Trần Ngọc T và Lê Văn T nhận thức được rằng, các bị cáo không có thẩm quyền, không có chức năng hoạt động của nhà nước về bắt, giữ người; cháu Nguyễn Bảo Đ không phạm tội quả tang, hay đang bị truy nã; khi bắt bị hại Nguyễn Bảo Đ không được sự đồng ý của bị hại Nguyễn Bảo Đ, cũng như cha mẹ bị hại Nguyễn Bảo Đ là vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Đặng Thị B và người quản lý hợp pháp của bị hại Nguyễn Bảo Đ, nhưng vì lý do cá nhân các bị cáo Trần Ngọc T và Lê Văn T đã có hành vi bắt, giữ bị hại Nguyễn Bảo Đ trái pháp luật.

Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Hội đồng xét xử phân tích vai trò của từng bị cáo:

Bị cáo Trần Ngọc T là người khởi xướng và thực hành tích cực, thể hiện bằng hành vi cụ thể: Bắt bị hại Nguyễn Bảo Đ lên xe khi không được sự đồng ý của bị hại Nguyễn Bảo Đ cho bị cáo Lê Văn T chở; Dùng tay xô đẩy, hất tay ra bà Lã Thị H ra, không cho bà H ngăn cản việc bị cáo Trần Ngọc T bắt bị hại Nguyễn Bảo Đ, tay bị cáo Trần Ngọc T trúng vào mặt bà Lã Thị H 01 cái. Bị cáo Trần Ngọc T bế bị hại Nguyễn Bảo Đ ngồi ngang xe mô tô, rồi ngồi sau ôm giữ bị hại Nguyễn Bảo Đ lại, để bị cáo Lê Văn T điều khiển xe mô tô bỏ chạy ra khỏi địa bàn thôn N, xã P, huyện N, sau đó T chở cháu Đ đến thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- Đối với bị cáo Lê Văn T biết rõ việc bị cáo Trần Ngọc T bắt bị hại Nguyễn Bảo Đ khi không được sự đồng ý của bị hại Nguyễn Bảo Đ cũng như không được sự cho phép của cha mẹ ruột bị hại Nguyễn Bảo Đ là ông Nguyễn Văn H, bà Đặng Thị B và người quản lý hợp pháp bị hại Nguyễn Bảo Đ là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo Lê Văn T không ngăn cản, mà còn chở bị hại Nguyễn Bảo Đ đi, giúp bị cáo Trần Ngọc T thực hiện ý chí của mình, nên hành vi của bị cáo Lê Văn T đã đồng phạm với bị cáo Trần Ngọc T thực hiện hành vi bắt giữ người trái pháp luật, với vai trò giúp sức tích cực.

Nhân thân bị cáo Lê Văn T không tốt:

+ Năm 2007 – 2009, Lê Văn T bị đưa vào Trường Giáo dưỡng số 4 tại huyện L, tỉnh Đồng Nai về hành vi Trộm cắp tài sản thời hạn 24 tháng.

+ Năm 2009 – 2011, Lê Văn T bị đưa vào Trường Giáo dưỡng số 4 tại huyện L, Đồng Nai về các hành vi gồm: Trộm cắp tài sản, đánh nhau, gây rối trật tự công cộng, chống người thi hành công vụ thời hạn 24 tháng.

Hành vi trên của các bị cáo Trần Ngọc T và Lê Văn T là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, tự do cá nhân của bị hại Nguyễn Bảo Đ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương.

Vì vậy cần xử lý nghiêm minh các bị cáo trước pháp luật để răn đe, giáo dục và phòng ngừa loại tội phạm này trong xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trần Ngọc T không có tình tiết tăng nặng.

Bị cáo Lê Văn T bị áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự năm 2015; bởi vì: Tại bản án hình sự số 74/2013/HSST, ngày 20-8-2013, Lê Văn T bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận xử phạt 18 tháng tù giam về tội "Cố ý gây thương tích", chấp hành xong hình phạt tù về lại địa phương vào ngày 30-8-2014, nhưng hiện nay Lê Văn T chưa chấp hành xong phần bồi thường dân sự trong vụ án trên, do đó chưa được xóa án tích, mà lại tiếp tục phạm tội, nên thuộc trường tái phạm.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Các bị cáo đầu thú; Đại diện bị hại bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Các bị cáo là lao động chính trong gia đình quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét hình phạt phù hợp đối với các bị cáo.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng; nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng

xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Xét quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:

Nhất trí với nội dung của bản cáo trạng cũng như quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Hành vi của các bị cáo Trần Ngọc T, Lê Văn T nguy hiểm cho xã hội trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do thân thể, đi lại của bị hại Nguyễn Bảo Đ và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý nghiêm các bị cáo trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung loại tội phạm này trong xã hội, là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Về biện pháp tư pháp:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tạm giữ và xử lý như sau:

+ 01 Xe mô tô biển số 86B1- 387, hiệu YAMAHA, loại Janus, màu xanh đen, số khung: C820HY039, số máy: E3Y8E039. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990, trú tại k 8, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận, là vợ bị cáo Trần Ngọc T, chị H không biết T dùng xe mô tô trên vào mục đích phạm tội, nên đề nghị trả lại cho chị H là có căn cứ.

+ 01 điện thoại di động cảm ứng màu đen, hiệu Sam sung, có số Imei 1: 356472092176, số Imei 2: 356473032176. Xác định đây là điện thoại của bị cáo Trần Ngọc T dùng vào mục đích phạm tội, đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước là có căn cứ.

Hiện điện thoại và xe mô tô trên trên đang được bảo quản tại Kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

+ 01 Ví da màu nâu, bên trong ví có một giấy đăng ký xe mô tô biển số 86B1- 387. Đây là tài sản và giấy tờ xe mô tô của chị Nguyễn Thị H, Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện N đã trả cho chị Nguyễn Thị H là phù hợp pháp luật.

+ Số tiền 3.175.000 đồng, quá trình điều tra xác định được đây là tiền của bị cáo Trần Ngọc T, T yêu cầu được nhận lại nên Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện N đã giao trả cho chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1990, trú tại: K8, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận là vợ của T nhận lại số tiền trên theo nguyện vọng của T là phù hợp pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra chị Nguyễn Thị H đã thay mặt các bị cáo Trần Ngọc T và Lê Văn T bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại Nguyễn Bảo Đ số tiền 15.000.000 đồng. Bị hại Nguyễn Bảo Đ và đại diện hợp pháp (cha ruột) của bị hại Nguyễn Bảo Đ là ông Nguyễn Văn H không yêu cầu bồi thường gì thêm; Chị Nguyễn Thị H không yêu bị cáo Trần Ngọc T và Lê Văn T hoàn trả lại số tiền trên, nên không xem xét.

Riêng đối với một người tên N chưa rõ nhân thân lai lịch Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa làm việc được, đang tiếp tục xác minh khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Việc bị cáo Trần Ngọc T tố cáo ông Nguyễn Văn H có hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" trong việc mua bán đất đai diễn ra trên địa bàn huyện T, tỉnh Bình Thuận, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T giải quyết theo thẩm quyền.

[9] Xét quan điểm của Viện Kiểm sát về việc định tội và định khung hình phạt đối với bị cáo Trần Ngọc Th, Lê Văn T, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo là hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm cho xã hội, quan điểm về trách nhiệm dân sự là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo **Trần Ngọc T**, **Lê Văn T** phạm tội "**Bắt, giữ người trái pháp luật**".

Căn cứ vào: Điểm e khoản 2 Điều 157, Điều 17, Điều 58; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Trần Ngọc T 12 (mười hai) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 01-12-2019 và tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Căn cứ vào: Điểm e khoản 2 Điều 157, Điều 17, Điều 58; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Lê Văn T 12 (mười hai) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 01-12-2019 và tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị H là vợ bị cáo Trần Ngọc T: 01 xe mô tô biển số 86B1- 387, hiệu YAMAHA, loại Janus, màu xanh đen, số khung: C820HY039, số máy: E3Y8E039 được niêm phong số máy bằng keo dán màu đỏ, số khung được niêm phong bằng cách niêm phong cốp xe bằng giấy màu trắng và dán keo màu đỏ, có chữ ký của bị cáo Trần Ngọc T, theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13-02-2020 giữa Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N;

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động cảm ứng màu đen, hiệu Sam sung, có số Imei 1: 356472092176, số Imei 2: 356473032176, được niêm phong trong túi niêm phong bằng giấy có mã số PS3A-083458, có chữ ký của của bị cáo Trần Ngọc T.

Về án phí:

Căn cứ vào Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo **Trần Ngọc T**, **Lê Văn T** mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- CQĐT Công an huyện N;
- CQTHAHS Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- TAND tỉnh;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng đấu)

Trần Quốc Đạt